

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình và 01 tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 69/TTr-HĐBT ngày 25/4/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 621/TTr-STNMT ngày 02/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình và 01 tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 2), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là **13.081.080.853 đồng** (Bằng chữ: Mười ba tỷ, không trăm tám mươi một triệu, không trăm tám mươi ngàn, tám trăm năm mươi ba đồng); trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 12.824.589.072 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 256.491.781 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 25.649.000 đồng, đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 17.954.000 đồng)

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường và hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8, K16.

ren

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB
Dự án: Khu Tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thường GPMB	Tổng
1	Hồ Ngọc Châu, vợ Trần Thị Yên	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	308	2	ODT+BHK	95,4	59,42	35,98	0,0	250.992.600	454.180.229	7.492.000	15.975.120	71.960.000	21.000.000	821.599.949
2	Trịnh Quang Đông, vợ Nguyễn Thị Kim Liên	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	9	2	ODT+BHK	1.087,6	199,00	888,60	0,0	943.427.000	1.786.794.705	99.889.400	394.538.400	1.000.000.000	97.996.000	4.322.645.505
3	Trần Minh Hoàng, vợ Phan Thị Tuyết Sương	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	66	2	ODT+BHK	728,8	0,00	0,00	782,8	127.439.840	0	0	347.563.200	0	0	475.003.040
4	Võ Sáo	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	299 +300 +301	2	ODT+BHK	672,6	80,00	592,60	0,0	506.062.000	422.796.856	90.445.100	0	1.000.000.000	32.000.000	2.051.303.956
5	Dương Văn La, vợ Nguyễn Thị Sáng	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	185	2	ODT+BHK	777,7	106,00	671,70	0,0	553.959.000	949.983.598	86.254.600	298.234.800	875.000.000	54.820.000	2.818.251.998
6	Dương Văn La, vợ Nguyễn Thị Sáng	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	157	2	NTD	434,2	0,00	0,00	434,2	109.352.760	73.637.197	26.577.600	298.234.800	0	0	507.802.357
			303	2	LUK	328,5	0,00	0,00	328,5							
7	Nguyễn Quang Hiệp	Tổ 17, KV3, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn	298	2	BHK	134,2	0,00	0,00	134,2	21.847.760	0	14.283.000	0	0	0	36.130.760
8	Phạm Thị Thọ	92/21 Hai Bà Trưng, TP. Quy Nhơn	324	2	BHK	221,8	0,00	0,00	221,8	36.109.040	0	54.550.000	0	0		90.659.040
9	Phan Hoàng Việt	35 Chương Dương, TP. Quy Nhơn	6	2	ODT+BHK	296,4	0,00	296,40	0,0	109.668.000	371.675.748	27.716.000	0	592.800.000	0	1.101.859.748

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
10	Phạm Văn Nam	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	304	2	BHK	249,5	0,00	0,00	249,5	40.618.600	0	58.418.200	0	0	0	99.036.800
11	Nguyễn Thái Linh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	305	2	BHK	194,3	0,00	0,00	194,3	31.632.040	0	16.307.500	0	0	0	47.939.540
12	Trịnh Ngọc Linh	30 Nguyễn Nhạc, TP. Quy Nhơn	302	2	BHK	412,5	0,00	0,00	412,5	67.155.000	0	58.474.600	0	0	0	125.629.600
13	Nguyễn Thành Lợt	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	184	2	BHK	356,4	0,00	0,00	356,4	58.021.920	0	51.513.200	158.241.600	0	0	267.776.720
14	Nguyễn Ngọc Long	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	49	2	BHK	71,7	0,00	0,00	71,7	11.672.760	0	15.442.500	31.834.800	0	0	58.950.060
15	UBND phường Ghềnh Ráng	70 Hàn Mạc Tử, TP. Quy Nhơn	201	2	DGT	14,4	0,00	0,00	0,0	0	0	0	0	0	0	0
			202	2	DTL	84,2										
			204	2	DGT	106,9										
			107	2	DTL	39,2										
			57	2	MNC	576,7										
			301	2	DGT	1.568,5										
			324	2	DTL	291,7										
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					8.743,2	444,4	2.485,3	3.185,9	2.867.958.320	4.059.068.332	607.363.700	1.544.622.720	3.539.760.000	205.816.000	12.824.589.072
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB: (A) x 2%															256.491.781
C	Tổng cộng: (A) + (B)															13.081.080.853

lon